| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2018/DS-PT
Ngày 06 - 02 - 2018
V/v tranh chấp về ranh giới sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương
*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Ông Lương Ngọc Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 01 và ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ranh giới sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 254/2018/QĐPT ngày 31/01/2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 288/TB-TA ngày 02/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; bà Đoàn Thị H, sinh năm 1968; cùng cư trú tại: Tổ dân phố HX, thị trấn AL, huyện AL, thành phố Hải Phòng; ông H có mặt; bà H có mặt tại phiên tòa ngày 31/01; vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/02 (có văn bản ủy quyền cho ông H).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Danh D, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; cùng cư trú tại: Tổ dân phố HX, thị trấn AL, huyện AL, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị H là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị H trình bày: Ông H bà H được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 83m$^2$; đất ở, tại thửa đất số 25a, tờ bản đồ số: 195-D-3; số GCNQSDĐ AL 964680, số vào sổ H969/AL ngày 14/6/2009. Nguồn gốc diện tích đất là do vợ chồng ông H mua chung mảnh đất có diện tích 166m$^2$ cùng với anh trai của ông H là anh Nguyễn Xuân H1 từ năm 1991. Sau đó, ông H1 và ông H đã chia đôi diện tích, mỗi bên được quyền sử dụng 83m$^2$ (chiều rộng giáp đường 360 dài 4,06m, chiều rộng giáp rãnh nước phía sau dài 4,45m; chiều dài mảnh đất 20,4m). Năm 2006, UBND huyện An Lão cấp GCNQSD đất số AH 524827, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H0519/AL ngày 25/12/2006, diện tích đất ở 166m$^2$ mang tên ông Nguyễn Xuân H1 và bà Hoàng Ngọc N. Năm 2009, UBND huyện An Lão cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H bà H diện tích đất 83m$^2$. Giáp nhà ông H bà Hằng, phía Đông là nhà ông D bà H. Quá trình sử dụng đất, ngày 13/4/2016, ông D bà H đã chôn 05 cọc bê tông và 01 cọc sắt lấn chiếm sang phần đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông H bà H có diện tích đất là 1,52m$^2$, trị giá 15.200.000 đồng. Nay ông H bà H khởi kiện yêu cầu ông D bà H phải tháo dỡ 05 cọc bê tông, 01 cọc sắt trả lại phần diện tích đã lấn chiếm nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 03/8/2016, đơn phản tố ngày 04/8/2016 và các văn bản khác có trong hồ sơ, bị đơn – ông Nguyễn Danh D và bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1985, gia đình ông D được Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Lão cấp cho diện tích đất khoảng 200m$^2$, nhưng sau đó do nhà nước mở rộng đường nên diện tích đất bị thu hẹp lại. Ngày 08/6/2009, Ủy ban nhân dân huyện An Lão đã cấp GCNQSDĐ số AL 898612, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 1019/AL cho ông D bà H được quyền sử dụng 170m$^2$ đất ở, tại thửa đất số: 26, tờ bản đồ số 195-D-III, tại khu HX, thị trấn AL. Ngày 13/4/2016 và ngày 30/4/2016 gia đình ông D bà H có chôn 05 cọc bê tông và 01 cọc sắt nhưng đều trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông D bà H. Vì vậy, ông D bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H bà Hằng.

Ngày 08/12/2016, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của ông D bà H về yêu cầu buộc ông H bà H phải tháo dỡ nhà trả lại phần diện tích đất đã xây lấn sang phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông D bà H là 1,4m$^2$.

Ông H bà H không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D bà H và cho rằng việc ông H bà H đã xây dựng ngôi nhà 02 tầng vào tháng 3/2012 là nằm hoàn toàn trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 12/8/2016 và ngày 28/4/2017, Hội đồng định giá xác định: Giá đất tranh chấp là 4.500.000 đồng/m$^2$; 05 cọc bê tông trị giá: 580.915 đồng; 01 cọc sắt trị giá 139.480 đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 107 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 1,2,5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Danh D bà Nguyễn Thị H phải dỡ bỏ 01 cọc sắt và 05 cọc bê tông trả cho nguyên đơn diện tích đất 0,22m$^2$ có tứ cận cụ thể: Phía Nam giáp tỉnh lộ 360 dài 0,02m; Phía Bắc giáp đất nhà ông H bà H dài 0,02m; phía Đông giáp nhà ông D bà H dài 11m; phía Tây giáp đất nhà ông bà dài 11m. Phần yêu cầu của nguyên đơn đòi ông D bà H diện tích đất 1,3m$^2$ trị giá: 5.850.000 đồng không được Tòa án chấp nhận.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị H về yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị H trả diện tích đất lấn chiếm 1,4m$^2$ trị giá bằng 6.300.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tiền lãi chậm thi hành án; tiền án phí, chi phí tố tụng khác và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2017, ông H bà H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án với lý do quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Ông H bà H đề nghị xét xử phúc thẩm buộc ông Dảo bà Hà phải nhổ hết các cọc đã chôn giữa hai nhà trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 1,52m$^2$.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận kết quả thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng đất sử dụng đất của hai bên theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2018 của Tòa án cấp phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn nhất trí với kết quả định giá tại giai đoạn sơ thẩm là 4.500.000 đồng/m$^2$. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất trình bày: Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 31/01/2018, sau khi được Thẩm phán phân tích, hòa giải và đưa ra phương án giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, hai bên đã thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để họ tự hòa giải. Ngay sau đó, ông D bà H đã nhổ 05 cọc bê tông và các bên đã cùng nhau xác định đường ranh giới sử dụng đất giữa hai nhà trên phần đất đang tranh chấp dài khoảng 11,25m, cụ thể từ mép nhà hai tầng phía trước của ông H bà H (Điểm 4 - giáp phần đất nhà ông D bà H) kéo thẳng nối với mép ngoài cọc sắt (Điểm 11) phía giáp đất nhà ông Hbà Hằng. ông D bà H không yêu cầu ông Hbà Hphải trả phần diện tích đã xây nhà hai tầng lấn chiếm sang phần đất thuộc quyền sử dụng của ông D bà H diện tích là 0,38m$^2$ (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2018). Nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa

hôm nay, nguyên đơn và bị đơn thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của họ theo nội dung trên và các bên không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là về ranh giới sử dụng đất quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo, nên thuộc thẩm quyền của Tòa dân sự phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn, bị đơn nhất trí với kết quả định giá tại giai đoạn sơ thẩm là 4.500.000 đồng/$m^2$.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 83$m^2$ đất ở, tại thửa đất số 25a, tờ bản đồ số: 195-D-3. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 964680, số vào sổ H969/AL ngày 14/6/2009.

Ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 170$m^2$ đất ở, tại thửa đất số: 26, tờ bản đồ số 195-D-III, tại khu HX, thị trấn AL. Ngày 08/6/2009, UBND huyện An Lão đã cấp GCNQSDĐ số AL 898612, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 1019/AL cho ông D bà H. Như vậy, cả hai bên đương sự đều được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất nêu trên. Nguyên đơn, bị đơn không có khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Quá trình sử dụng đất, do các bên không thống nhất xác định được ranh giới sử dụng đất giữa hai bên nên đã xảy ra tranh chấp. Mặc dù tranh chấp giữa hai bên chỉ là đường ranh giới và với diện tích rất nhỏ nhưng đã phát sinh từ đầu năm 2012 cho đến nay chưa được giải quyết dứt điểm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H bà H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm kiểm tra lại hiện trạng phần diện tích đất mà các bên đang sử dụng. Ngày 04/01/2018, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra quyết định xem xét thẩm định tại

chỗ để kiểm tra, khảo sát mốc giới của các gia đình: Gia đình ông H1 bà N; gia đình ông bà và gia đình ông D bà H, kết quả xác định được như sau: Nối Điểm 11 (Mép ngoài cột sắt phía giáp diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông H bà Hằng) với Điểm 3 (mép tường phía sau nhà hai tầng của gia đình ông H bà H) chính là ranh giới giữa hai nhà. Căn cứ vào đường ranh giới này thì nhà 02 tầng của ông H bà H góc phía Đông Nam xây lệch sang phần đất thuộc quyền sử dụng của ông D bà H diện tích là 0,38m$^2$ (Điểm 4). Các cột bê tông, ông D bà H đã chôn lệch sang nhà ông Hvbà H diện tích là 1,01m$^2$. Nay ông D bà H đồng ý nhổ 05 cọc bê tông; không yêu cầu ông Học, bà Hphá nhà 02 tầng để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 0,38m$^2$, đồng thời đồng ý xác định mốc ranh giới trên phần đất đang tranh chấp giữa hai gia đình là từ điểm 4 (Mép tường phía trước nhà hai tầng của gia đình ông H bà H) kéo dài nối với điểm 11 (Mép ngoài cột sắt phía trước giáp đất nhà ông Hbà Hằng). Ông H bà H đồng ý với quan điểm của ông D bà H về việc xác định ranh giới giữa hai gia đình trên phần diện tích đất đang tranh chấp. Trên thực tế, sau khi đề nghị tạm ngừng phiên tòa ngày 31/01/2018, thì ông D bà H đã tháo dỡ 05 cọc bê tông và hai bên cùng thống nhất xác định đường ranh giới như nêu trên. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của họ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai nên chấp nhận cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự - Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại mốc giới phù hợp với nội dung thỏa thuận.

[4] Về án phí dân sự:

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng đã nộp. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 380.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 2172 ngày 06/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Trả lại nguyên đơn 80.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm-khoản 2 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị đơn ông D bà H đều là những người cao tuổi, tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho họ. Xét thấy, ông D bà H đủ điều kiện để miễn án phí nên trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 315.000 đồng (Ba trăm mười lăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 2380 ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng – Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Về án phí phúc thẩm: Do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo – Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng – Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 5 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị H đồng ý cho Ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị H sử dụng phần diện tích đất đã xây nhà hai tầng lấn chiếm sang phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Dảo, bà Hà diện tích là 0,38m$^2$ (góc nhà hai tầng phía Đông Nam – Điểm 4).

2. Ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ dỡ bỏ 05 cọc bê tông, trả lại diện tích đất là 1,01m$^2$ thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn `ăn H, bà Đoàn Thị H.

3. Ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Danh Dảo, bà Nguyễn Thị Hà thống nhất xác nhận đường ranh giới sử dụng đất giữa diện tích đất thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị H và diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Danh Dảo, bà Nguyễn Thị Hà là một đường thẳng nối từ Điểm 4 (góc nhà 02 tầng phía Đông Nam) đến Điểm 11 (mép ngoài cọc sắt phần giáp đất nhà ông Học, bà Hằng).

(*có sơ đồ kèm theo*).

II. Về án phí:

1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 380.000 đồng nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 2172 ngày 06/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Trả lại nguyên đơn 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn, trả lại D bà H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp do có yêu cầu phản tố là 315.000 đồng (Ba trăm mười lăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 2380 ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 2663 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Hằng đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương**